

(DRI)

Số: 31./BC-CT

Buôn Ma Thuột, ngày 17 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT – KINH DOANH THÁNG 10/2023

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

1.1. Công tác khai thác mỏ cao su:

Trong tháng 10/2023 toàn Công ty thực hiện được **1.820,98/1.950,00** tấn mù quy khô, đạt **93,38%** kế hoạch của tháng và lũy kế thực hiện đạt **9.842,41** tấn, tương đương **65,62%** kế hoạch sản lượng năm 2023.

1.2. Công tác kinh doanh sản phẩm mù cao su:

Khoản mục	Xuất bán trong tháng 10/2023			Lũy kế năm 2023		
	Số lượng (Tấn)	Doanh thu (USD)	Đơn giá bình quân (USD/tấn)	Số lượng lũy kế (Tấn)	Doanh thu lũy kế (USD)	Đơn giá bình quân (USD/tấn)
Xuất khẩu	835,52	1.205.698	1.443,05	6.941,60	9.834.548	1.416,76
Nội địa	420,00	583.800	1.390,00	3.936,40	5.243.834	1.367,90
Tổng cộng	1.255,52	1.789.498	1.425,30	10.878,00	15.078.382	1.399,81

2. Công tác tài chính:

- Quản trị chi phí tại DRI và các công ty con Daklaoruco, cty CNC DRI, giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý tài chính, quy chế mua sắm lựa chọn nhà thầu trong hoạt động SXKD của công ty DRI và các công ty con.

- Thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2023 theo quy định.

3. Công tác nông nghiệp:

Trong tháng 10 Công ty thực hiện một số hạng mục chăm sóc vườn cao su kinh doanh như: xử lý chồi đại, vệ sinh chén hứng mù. Vườn cao su kiến thiết cơ bản thực hiện các hạng mục cắt tỉa chồi đại, làm cỏ trên hàng KTCB1, cày chăm sóc, tủ gốc KTCB1 cao su trồng dặm năm 2023, tạo hình nâng tán KTCB 5, 6. Vườn nhân giống cao su thực hiện hạng mục: đào mương thoát nước, san ủi mặt bằng cày bừa, thiết kế, múc rãnh, trộn phân lấp đất vào rãnh, trồng cây giống. Các hạng mục công việc thực hiện đảm bảo đúng quy trình của công ty.

4. Công tác chế biến:



Bảng TH khối lượng mũ chế biến tháng 10/2023

ĐVT: Tấn

STT	Mũ thành phẩm	Chế biến mũ cao su tháng 10				Lũy kế chế biến năm 2023			
		DC mũ nước		DC mũ phụ		DC mũ nước		DC mũ phụ	
		KL (Tấn)	%	KL (Tấn)	%	KL (Tấn)	%	KL (Tấn)	%
1	SVR3L	1.535,53	96,93		-	7.193,73	89,34	-	-
2	SVR5	26,07	1,65		-	263,92	3,28	-	-
3	SVR10		-	438,62	98,56	-	-	1.840,09	92,36
4	SVR20		-		-	-	-	-	-
5	SVR CV50		-		-	57,61	0,72	-	-
6	SVR CV60	20,86	1,32		-	481,85	5,98	-	-
7	Ngoại lệ		-	2,52	0,57	42,48	0,53	10,99	0,55
8	Mũ tận thu								
8.1	Tận thu NMCB	1,65	0,10	0,46	0,10	9,91	0,12	7,46	0,37
8.2	Ngoại lệ mũ mẫu KP		-	3,43	0,77	2,49	0,03	21,56	1,08
8.3	Tận thu HNT		-		-	-	-	112,24	5,63
**	Tổng cộng	1.584,10	100	445,03	100	8.051,97	100	1.992,34	100

5. Công tác xây dựng cơ bản:

- Nông trường 1: hoàn thiện các công trình nhà ở 30 phòng cho công nhân khai thác ở cụm tổ 01+02+07; công trình thi công phần nền bê tông để thùng lô 16.1; tu sửa hàng rào bảo vệ lô cao su KTCB.

- Nông trường 2: đang san sửa hoàn thiện đường lô qua Nông trường 2 cao su Dầu tiếng; hoàn thiện khu nhà ở 30 phòng cho cụm tổ sản xuất 7+9; triển khai thi công làm mới hàng rào khuôn viên tổ 1; hoàn thiện công trình tu sửa cầu gỗ qua suối lô C3.9.

- Nông trường 3: thi công công trình khu vệ sinh 12 phòng cho các cụm tổ 8+9+10.

- Nông trường 4: thi công công trình nhà ở 14 phòng cụm tổ 5; đang lắp đặt đường dây điện mới cho NT 4; chống lầy đường vận chuyển mũ tại NT 4.

- Nhà máy chế biến: hoàn thiện công trình cải tạo lò sấy dây chuyền chế biến mũ phụ; sửa chữa thay thế biến tần cho băng tải cao su lên mũ thay thế vít tải dây chuyền mũ phụ.

6. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

- Tổng số CBCNV hiện có 2.566 người, trong đó gián tiếp có 188 người, trực tiếp có 2.378 người. Tỷ lệ gián tiếp/tổng số lao động là 7,3%. Tỷ lệ trực tiếp/tổng số lao động là 92,7%.

- Thực hiện đầy đủ thủ tục thanh toán lương và giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động kịp thời, đúng quy định không để xảy ra khiếu nại.

7. Công tác bảo vệ, y tế cộng đồng:

- Công tác quản lý bảo vệ sản phẩm, vườn cây tại đơn vị luôn được chú trọng và đặt là nhiệm vụ trọng tâm bên cạnh công tác sản xuất. Công ty đã và đang thắt chặt công tác

